

25 NĂM VIỆT NAM HÀI HOÀ HOÁ PHÁP LUẬT VÀ NỘI LUẬT HOÁ CÁC NGHĨA VỤ THÀNH VIÊN ASEAN

HOÀNG PHƯỚC HIỆP *

Tóm tắt: *Hài hoà hoá pháp luật và nội luật hoá là hai vấn đề được bàn đến nhiều trong các hội nghị quan chức pháp luật và tư pháp các nước ASEAN. Lí luận và thực tiễn các nước khá đa dạng về nhóm vấn đề này. Ở Việt Nam, việc nghiên cứu các vấn đề pháp lí về hài hoà hoá pháp luật và nội luật hoá trong khuôn khổ ASEAN khá hạn chế vì các lí do khác nhau. Bài viết đề cập một số nội dung liên quan đến thực tiễn 25 năm Việt Nam thực hiện hài hoà hoá pháp luật và nội luật hoá các nghĩa vụ thành viên ASEAN trong khuôn khổ tổ chức này.*

Từ khoá: 25 năm ASEAN; hài hoà hoá pháp luật; nội luật hoá pháp luật

Nhận bài: 28/7/2020

Hoàn thành biên tập: 23/4/2021

Duyệt đăng: 23/4/2021

25 YEARS OF LEGAL HARMONIZATION AND TRANSFORMATION OF VIETNAM TO IMPLEMENT ASEAN MEMBER COUNTRY'S OBLIGATIONS

Abstract: *The legal harmonisation and legal transformation are two debatable issues discussed in the conferences of legal and judicial officials of ASEAN countries. Different theory and practice are quite diverse in terms of this group. In Vietnam, the study of legal harmonisation and legal transformation within ASEAN remains limited for different reasons. This article discusses the practice related to the 25 years of legal harmonisation and legal transformation of Vietnam to implement ASEAN member country's obligations within the framework of this organization.*

Keywords: 25 Years ASEAN; legal harmonisation; legal transformation

Received: July 20th, 2020; **Editing completed:** Apr 23rd, 2021; **Accepted for publication:** Apr 23rd, 2021

1. Vấn đề hài hoà hoá pháp luật trong ASEAN và cách xử lí vấn đề của Việt Nam

Từ góc độ ngôn ngữ, có nhiều cách hiểu khác nhau về hài hoà hoá pháp luật (The Harmonisation of Laws):

Trong cuốn *Từ điển tiếng Anh* của Trường Đại học Tổng hợp Oxford định nghĩa “hài hoà hoá” (Harmonisation) là “làm cho một cái gì đó trở nên cân đối, đúng

với điều đã thoả thuận”. Từ điển này còn giải thích, đó là “quá trình làm các lợi ích, ý kiến khác nhau thành một chỉnh thể đúng với thoả thuận”.⁽¹⁾

Cuốn *Từ điển pháp lí cơ bản* của Hoa Kỳ năm 1991 chú giải các thuật ngữ “hài hoà”, “làm cho hài hoà”, “hài hoà hoá” là những thuật ngữ được dùng trong các văn bản pháp luật đồng nghĩa với các từ “đúng với thoả thuận” (in agreement), “phù hợp

* Phó giáo sư, tiến sĩ, Nguyên Vụ trưởng Vụ Pháp luật quốc tế, Bộ Tư pháp
E-mail: hiephp310@gmail.com

(1). *Oxford Advanced Learner's Dictionary*, Oxford University Press, 2010, p. 570.

với” (in accordance) hoặc “tương thích với” (conformity).⁽²⁾

Trong *Từ điển tiếng Việt*, “hài hoà” được định nghĩa là “*có sự kết hợp cân đối giữa các yếu tố, các thành phần, gây được ấn tượng về cái đẹp, cái hoàn hảo*”.⁽³⁾ Từ điển này không có định nghĩa về “hài hoà hoá”, “hài hoà hoá pháp luật”.

Như vậy, về mặt ngôn ngữ học, có nhiều cách hiểu khác nhau về khái niệm “hài hoà hoá” và “hài hoà hoá pháp luật”. Do có nhiều cách hiểu như vậy nên khi nghiên cứu vấn đề hài hoà hoá pháp luật ở Việt Nam đã gặp không ít khó khăn.⁽⁴⁾ Quan niệm của các chuyên gia có sự khác biệt không chỉ về nội hàm của khái niệm mà còn cả về cách xử lý đối với từng lĩnh vực pháp luật, từng nội dung vấn đề pháp luật cũng như quy trình hài hoà hoá pháp luật.⁽⁵⁾

(2). *Black's Law Dictionary*, WP.Co 1991, p. 495.

(3). Viện Ngôn ngữ học, *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng-Trung tâm Từ điển học, Hà Nội, 1997, tr. 401.

(4). Nguyễn Thanh Tú, *Thuận lợi, khó khăn và lợi ích đối với Việt Nam trong tiến trình hài hoà hoá pháp luật của khu vực ASEAN* và Nguyễn Bá Bình, *Khả năng hài hoà hoá pháp luật trong Khu vực ASEAN: Trường hợp của luật hợp đồng*, <https://thuvien.quoc-hoi.vn/vi/hoi-thao-quoc-te-hai-hoa-hoa-phap-luat-trong-xay-dung-cong-dong-asean-nhung-van-de-dat-ra-voi-viet>, truy cập 17/4/2021; Xem thêm: Nguyễn Đoàn Trang, *Hài hoà hoá pháp luật của các nước thành viên Asean trong lĩnh vực kinh tế*, <http://ncif.gov.vn/Pages/NewsDetail.aspx?newid=17048>, truy cập 17/4/2021; Xem thêm Ki yếu Hội thảo “Hài hoà hoá pháp luật thương mại và triển vọng trong khu vực ASEAN”, <http://www.viac.vn/tin-tuc-su-kien/buoc-di-tien-phong-trong-qua-trinh-hai-hoa-hoa-phap-luat-thuong-mai-trong-khu-vuc-asean-n528.html>, truy cập 17/4/2021.

(5). <https://thuvien.quoc-hoi.vn/vi/hoi-thao-quoc-te-hai-hoa-hoa-phap-luat-trong-xay-dung-cong-dong-asean-nhung-van-de-dat-ra-voi-viet>, truy cập 17/4/2021; xem

Từ góc độ thực tiễn quốc tế, vấn đề Hài hoà hoá pháp luật đã được nghiên cứu khá nhiều ở nước ngoài.⁽⁶⁾ Trong phạm vi một số tổ chức quốc tế, “Hài hoà hoá pháp luật” nhiều khi được hiểu tương đồng với “Nhất thể hoá pháp luật” (legal unification), cho dù đây là hai khái niệm khác nhau. Chẳng hạn, Tổ chức Hải quan thế giới (WCO)⁽⁷⁾ đã có một số điều ước quốc tế (ĐUQT) về hài hoà hoá pháp luật, tiêu biểu là Công ước về Hệ thống hài hoà hoá về mã số và mô tả hàng hoá (The International Convention on the Harmonized Commodity Description and Coding System - Công ước HS); Công ước Kyoto về đơn giản hoá và hài hoà hoá thủ tục hải quan (The International Convention on the Simplification and Harmonization of Customs procedures - Công ước Kyoto). Các công ước này là các bộ luật quốc tế, bộ quy tắc xử sự mà vốn là luật lệ của các nước khác nhau (và có thể có cách hiểu, giải thích khác nhau) đã được nhất thể hoá dưới dạng các văn bản pháp luật thực chất thống nhất để áp dụng trong thực tiễn thương mại giữa các nước. Cách xử lý tương tự cũng có thể thấy qua thực tiễn soạn thảo và thực hiện các hiệp định đa biên thống nhất của Tổ chức

thêm: Ki yếu Hội thảo “Hội nhập ASEAN và hài hoà hoá tư pháp trong các nước ASEAN”, Toà án nhân dân tối cao, ngày 17/3/2016.

(6). Duncan Alford, Updated by Matthew Novak, *A Guide on the Harmonization of International Commercial Law*, http://www.nyulawglobal.org/globallex/Unification_Harmonization1.html, truy cập 17/4/2021.

(7). <http://www.wcoomd.org/en/topics/nomenclature/instrument-and-tools/tools-to-assist-with-the-classification-in-the-hs/hs-online.aspx>, truy cập 17/4/2021.

Thương mại thế giới (WTO),⁽⁸⁾ trong soạn thảo và hướng dẫn thực hiện các Luật mẫu của Ủy ban Pháp luật Thương mại quốc tế của Liên Hợp quốc (UNCITRAL),⁽⁹⁾ của Hội nghị Liên Hợp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD),⁽¹⁰⁾ của Phòng Thương mại Quốc tế (ICC)⁽¹¹⁾... và qua thực tiễn hoạt động của ASEAN.⁽¹²⁾ Việt Nam là thành viên của các thiết chế quốc tế nói trên và cũng là thành viên tích cực tham gia vào hoạt động hài hoà hoá pháp luật. Vấn đề hài hoà hoá pháp luật thông thường được hiểu và xử lý theo ba cấp độ khác nhau: 1) Hài hoà hoá pháp luật ở cấp độ chính sách pháp luật. Đây là vấn đề khó trong thực tiễn quốc tế và quốc gia vì quan điểm các tổ chức quốc tế và các quốc gia thường khác nhau; 2) Hài hoà hoá pháp luật ở cấp độ quy trình xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật. Đây cũng là vấn đề khó trong thực tiễn quốc tế và quốc gia vì truyền thống và kinh nghiệm của các nước khác nhau; 3) Hài hoà hoá pháp luật ở cấp độ thống nhất hoá/nhất thể hoá các thủ tục hành chính áp dụng chung, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật pháp lý áp dụng chung đối với các hoạt động tác nghiệp trong từng lĩnh vực cụ thể. Đây cũng là vấn đề khó trong thực tiễn quốc tế và quốc gia nhưng nhiều nước đã có

gắng tập trung xử lý theo cấp độ này và ít nhiều có kết quả đáng ghi nhận. Tiêu biểu là việc xây dựng Công ước HS, Công ước Kyoto nêu trên hoặc xây dựng Bảng phân loại các dịch vụ thương mại quốc tế của Liên Hợp quốc (CPC).⁽¹³⁾

Trong phạm vi ASEAN, vấn đề hài hoà hoá pháp luật được bàn đến khá sớm khi soạn thảo các hiệp định và các văn kiện của ASEAN. Việt Nam đã tích cực tham gia vào các hoạt động này theo quan điểm “thống nhất trong đa dạng”. Trong khuôn khổ hợp tác pháp luật và tư pháp, vấn đề hài hoà hoá pháp luật được thảo luận muộn hơn so với các lĩnh vực hợp tác khác. Vấn đề hài hoà hoá pháp luật được chính thức đưa ra thảo luận tại Hội nghị Quan chức Tư pháp và Pháp luật các nước ASEAN (ASLOM) và Hội nghị Bộ trưởng Tư pháp và Pháp luật các nước ASEAN (ALAWMM) năm 1999 tại Singapore. Việt Nam đã góp phần quan trọng trong thành công của Hội nghị này. Tuyên bố chung của ALAWMM tháng 11/1999 ghi rõ: *“Các bộ trưởng lưu ý đến những lĩnh vực mà các nước đặc biệt quan tâm và có cách giải thích khác nhau. Các lĩnh vực đó bao gồm các phương thức đấu tranh chống tội phạm xuyên quốc gia, hài hoà hoá pháp luật (the harmonisation of laws), thách thức đối với công nghệ mới và sự phát triển trong pháp luật quốc tế liên*

(8). https://www.wto.org/english/docs_e/gattdocs_e.htm, truy cập 17/4/2021.

(9). <https://uncitral.un.org/en/texts>, truy cập 17/4/2021.

(10). <https://unctad.org/en/Pages/DITC/CompetitionLaw/The-Model-Law-on-Competition.aspx>, truy cập 17/4/2021.

(11). <https://iccwbo.org/resources-for-business/model-contracts-clauses>, truy cập 17/4/2021.

(12). <http://agreement.asean.org>, truy cập 17/4/2021.

(13). <http://unstats.un.org/unsd/class>. Phần mở đầu các bản CPC của Liên Hợp quốc (Central Product Classification Version 1.0, Statistical Papers Series M, No. 77, Ver.1.0; Version 2.1, Statistical Papers Series M, No. 77, Ver.2.1, UN, NY.2015 đều nói rõ vấn đề này.

quan đến quyền tài phán quốc gia và miễn trừ tư pháp cũng như nguyên tắc không can thiệp vào công việc nội bộ và bảo vệ chủ quyền quốc gia”.⁽¹⁴⁾

Tuyên bố của ASLOM tháng 9/2001 tại Singapore ghi nhận: “ASLOM thứ bảy đã thảo luận và thoả thuận cần tiếp tục trao đổi ý kiến và kinh nghiệm giữa các nước ASEAN về việc hài hoà hoá pháp luật thương mại của các nước ASEAN (the harmonisation of their trade laws)”.⁽¹⁵⁾

Tuyên bố chung của ALAWMM tháng 6/2002 tại Thái Lan khẳng định: “Các bộ trưởng thông qua khuyến nghị... về việc thành lập ASEAN Law Forum (ALF) với sự tham gia rộng rãi các luật gia và các nhà nghiên cứu... Các bộ trưởng thoả thuận về các chuyên đề cần thảo luận tại ALF đầu tiên là: ... Các phương thức hài hoà hoá pháp luật thương mại ASEAN (Modalities for harmonization of ASEAN trade laws)...”.⁽¹⁶⁾ Việt Nam cũng đã góp phần quan trọng vào thành công của các hội nghị nêu trên.

ASLOM tháng 8/2004 tại Brunei Darussalam đã bổ sung yêu cầu về “hài hoà hoá các quyền sở hữu trí tuệ” (the harmonization of intellectual property

rights).⁽¹⁷⁾ ALAWMM tháng 9/2005 tại Hà Nội (Việt Nam) đã tích cực đưa ra các sáng kiến và Hội nghị nhất trí khẳng định: “Các bộ trưởng chấp thuận các kiến nghị của ASLOM về thành lập các nhóm công tác để kiểm tra kết quả xây dựng các phương thức hài hoà hoá pháp luật thương mại của các nước thành viên, nhất thể hoá pháp luật về hợp pháp hoá các tài liệu của các cơ quan công quyền nước ngoài (uniform laws on legalisation of foreign public documents)...”.⁽¹⁸⁾ ALAWMM tháng 10/2008 tại Brunei Darussalam đã khuyến nghị “Hài hoà hoá pháp luật và thực tiễn trọng tài của các nước thành viên ASEAN (harmonising the arbitration laws and practices of ASEAN Member States)... Kiểm tra các phương thức hài hoà hoá pháp luật thương mại của các nước thành viên...”.⁽¹⁹⁾ ALAWMM tháng 11/2011 tại Campuchia tiếp tục đưa ra yêu cầu “kiểm tra các phương thức hài hoà hoá pháp luật thương mại của các nước thành viên, nhất thể hoá pháp luật về hợp pháp hoá các tài liệu của các cơ quan công quyền nước ngoài (uniform laws on legalization of documents...)”.⁽²⁰⁾ ALAWMM tháng 10/2015

(14). https://asean.org/?static_post=joint-communique-of-the-fourth-meeting-of-asean-law-ministers-singapore-5th-6th-november-1999, truy cập 17/4/2021.

(15). https://asean.org/?static_post=joint-press-statement-seventh-asean-senior-law-officials-meeting-aslom-2001-10-11-september-2001-singapore, truy cập 17/4/2021.

(16). https://asean.org/?static_post=joint-communique-of-the-5th-meeting-of-asean-law-ministers-17th-18th-june-2002-bangkok, truy cập 17/4/2021.

(17). https://asean.org/?static_post=joint-press-statement-of-the-9th-asean-senior-law-officials-meeting-aslom-23-24-august-2004-brunei-darussalam, truy cập 17/4/2021.

(18). https://asean.org/?static_post=joint-communique-of-the-6th-asean-law-ministers-meeting-alawmm-ha-noi-viet-nam-19-20-september-2005, truy cập 17/4/2021.

(19). https://asean.org/?static_post=joint-statement-of-the-seventh-asean-law-ministers-meeting-alawmm-bandar-seri-begawan-20-october-2008, truy cập 17/4/2021.

(20). https://asean.org/?static_post=joint-communique-of-the-eighth-asean-law-ministers-meeting-alawmm-phnom-penh-4-5-november-2011, truy cập 17/4/2021.

tại Indonesia tiếp tục lưu ý việc “*kiểm tra các phương thức hài hoà hoá pháp luật thương mại của các nước thành viên và tăng cường tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự và thương mại giữa các nước ASEAN*”.⁽²¹⁾ Điều đáng chú ý là đến ALAWMM tháng 10/2018 tại Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào vấn đề hài hoà hoá pháp luật không còn được đề cập mà chỉ nêu chung chung về “*hài lòng với những tiến bộ đạt được trong thực hiện các hoạt động hợp tác khác nhau của ALAWMM*”.⁽²²⁾

Như vậy, vấn đề hài hoà hoá pháp luật trong các lĩnh vực khác nhau, đặc biệt là trong lĩnh vực thương mại, đầu tư trong ASEAN, đã đạt được những kết quả đáng kể. Báo cáo hội nhập ASEAN năm 2019⁽²³⁾ cho thấy ASEAN đã xây dựng được một số bộ quy định, quy tắc pháp luật áp dụng thống nhất trong khối ASEAN (kết quả thường là các hiệp định của ASEAN về một số vấn đề cụ thể); hài hoà hoá được hàng trăm quy chuẩn, tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật đối với các sản phẩm khác nhau, từ thiết bị điện và điện tử, sản phẩm cao su, thiết bị y tế, mỹ phẩm, thuốc truyền thống và thực phẩm

chức năng, cho đến các sản phẩm ô tô; kí kết được một số thỏa thuận công nhận lẫn nhau (MRA) và hài hoà hoá các quy chế liên quan để triển khai trong lĩnh vực thiết bị điện và điện tử, dược phẩm và vệ sinh thực phẩm. Các MRA trong lĩnh vực ô tô và vật liệu xây dựng đang được đàm phán tạo điều kiện thuận lợi tiếp tục cho việc chấp nhận thử nghiệm, kiểm tra và chứng nhận chất lượng sản phẩm giữa các thành viên ASEAN; bước đầu đã tạo ra được cơ chế ASEAN thống nhất quản lý từng lĩnh vực cụ thể; đang gấp rút xây dựng hoàn thành Khung Quy chế an toàn lương thực ASEAN (The ASEAN Food Safety Regulatory Framework), Hiệp định khung ASEAN về Các loại thuốc truyền thống và thực phẩm chức năng (The ASEAN Agreements on Regulatory Framework for Traditional Medicines and Health Supplements),...

Trong lĩnh vực hợp tác pháp luật và tư pháp ASEAN, vấn đề hài hoà hoá pháp luật cũng đã được bàn đến khá sớm như đã nêu trên, tập trung phục vụ quá trình hội nhập quốc tế nội khối ASEAN cũng như hợp tác của ASEAN với ngoài khối, bước đầu đã có một số kết quả đặc thù cho lĩnh vực này. Chẳng hạn, ASEAN đã xây dựng, thông qua và thực hiện Hiệp định Tương trợ tư pháp về các vấn đề hình sự; xây dựng Hiệp định Dẫn độ, Hiệp định Tương trợ tư pháp về dân sự, thương mại; xây dựng được Chương trình chung về trao đổi thông tin, hợp tác giữa các chuyên gia pháp luật và tư pháp của các nước ASEAN để hình thành cách hiểu giống nhau hoặc gần giống nhau về nội dung một số khái niệm pháp luật, quy tắc chơi trong

(21). <https://www.asean.org/wp-content/uploads/images/2015/October/statement-and-communique/ADOPTED%20Joint%20Communique%20of%20the%20Ninth%20ASEAN%20Law%20Ministers%20Meeting%20as%20of%2020%20October%202015%20CLEAN-revised.pdf>, truy cập 17/4/2021.

(22). <https://asean.org/storage/2012/05/Adopted-Joint-Communique-10th-ALAWMM-.pdf>, truy cập 17/4/2021.

(23). ASEAN Secretariat, *ASEAN Integration Report 2019*, Jakarta: October 2019, p. 159, <https://asean.org/storage/2019/11/ASEAN-integration-report-2019.pdf>, truy cập 17/4/2021.

khuôn khổ hợp tác ASEAN, tránh được cái gọi là “xung đột danh pháp” (conflict of qualification); nghiên cứu xử lý có hiệu quả các vấn đề liên ngành/xuyên suốt (cross-cutting issues) đòi hỏi phải được giải quyết thông qua phối hợp giữa các trụ cột pháp luật, tư pháp với trụ cột các ngành kinh tế, thương mại, đầu tư và liên ngành khác.⁽²⁴⁾ Tuy đạt được một số kết quả đáng khích lệ nhưng vấn đề hài hoà hoá pháp luật trong lĩnh vực hợp tác pháp luật và tư pháp ASEAN của Việt Nam vẫn chưa tương xứng với tiềm năng của Việt Nam trong lĩnh vực này. Điều này thấy rõ qua ý kiến của các chuyên gia pháp luật và chuyên gia các ngành khác nhau khi tham gia các hội thảo trong nước và quốc tế tiến hành tại Việt Nam liên quan đến đề tài này trong suốt thời gian qua.⁽²⁵⁾

2. Vấn đề nội luật hoá các nghĩa vụ thành viên của ASEAN và cách xử lý vấn đề của Việt Nam

Lí luận và thực tiễn pháp luật quốc tế và pháp luật quốc gia về “nội luật hoá” (The Legal Transformation) rất khác nhau phụ thuộc vào chủ thuyết theo đuổi là Nhất nguyên luận, Nhị nguyên luận hay Con đường thứ ba.⁽²⁶⁾ Thực tiễn các nước theo

đuổi Nhị nguyên luận thường phải chuyển đổi các quy định của ĐUQT mà họ là thành viên thành quy định của pháp luật quốc gia (thường gọi ngắn gọn là “nội luật hoá”) để thực hiện nghĩa vụ thành viên của mình theo ĐUQT đó. Rất ít nước áp dụng trực tiếp các quy định của ĐUQT.⁽²⁷⁾

Đối với Việt Nam, những yêu cầu cơ bản về nội luật hoá/thực hiện các ĐUQT, nói ngắn gọn là: 1) Tuân thủ nguyên tắc Pacta Sunt Servanda theo pháp luật quốc tế nói chung, Công ước Viên năm 1969 về Luật ĐUQT nói riêng; 2) Tuân thủ pháp luật Việt Nam nói chung, Luật ĐUQT năm 2016 nói riêng về nội luật hoá/thực hiện ĐUQT; 3) Bảo đảm chủ động nội luật hoá/thực hiện có hiệu quả ĐUQT.⁽²⁸⁾

Chủ động nội luật hoá/thực hiện có hiệu quả ĐUQT trong quá trình hội nhập quốc tế (HNQT) nói chung, chủ động nội luật hoá/thực hiện có hiệu quả ĐUQT của ASEAN nói riêng là vấn đề luôn được Việt Nam ưu tiên đặt ra với những cách xử lý đa dạng, phong phú, không theo khuôn mẫu thống nhất. Có thể thấy, quá trình 25 năm Việt Nam nội luật hoá các nghĩa vụ thành

(24). Tài liệu Dự án “Hài hoà hoá pháp luật hiện hành và thống nhất áp dụng pháp luật hướng tới năm 2020 (pháp luật 2020)”, <https://www.jica.go.jp/project/vietname/vietnam/032/index.html>, truy cập 17/4/2021.

(25). Xem thêm: <https://thuvien.quochoi.vn/vi/hoi-thao-quoc-te-hai-hoa-hoa-phap-luat-trong-xay-dung-cong-dong-asean-nhung-van-de-dat-ra-voi-viet>, truy cập 17/4/2021.

(26). Hoàng Phước Hiệp (chủ nhiệm), “Nội luật hoá các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập nhằm phục vụ quá trình hội nhập kinh tế quốc

tế”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Bộ Tư pháp, 2007; xem thêm: Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật quốc tế*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2018, tr. 34 - 38; James Devenney, Mel Kenny, *The Transformation of European Private Law: Harmonisation, Consolidation, Codification or Chaos?*, Cambridge University Press, 2013.

(27). Hoàng Phước Hiệp, “Áp dụng trực tiếp điều ước quốc tế”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 5/2016.

(28). *Chủ động nội luật hoá để tương thích các FTA thể hệ mới*, <https://thoibaokinhtdoanh.vn/viet-nam/chu-dong-noi-luat-hoa-de-tuong-thich-cac-fta-the-he-moi-1069474.html>, truy cập 17/4/2021.

viên của ASEAN đã đạt được những kết quả nhất định, nhất là nội luật hoá các nghĩa vụ thành viên trong lĩnh vực kinh tế quốc tế. Quá trình nội luật hoá các cam kết của Việt Nam trong ASEAN có thể rút ra nhiều bài học hữu ích.

Một là bài học kinh nghiệm trong việc nội luật hoá các cam kết của Việt Nam về cắt giảm thuế quan theo Hiệp định CEPT/AFTA.⁽²⁹⁾ Theo đó, Việt Nam cam kết trong vòng 10 năm (1993 - 2003) giảm thuế quan trong thương mại nội khối xuống còn từ 0 - 05%. Đối với các sản phẩm có thuế suất trên 20%, đến ngày 01/01/1998 phải giảm xuống mức 20%. Các sản phẩm có thuế suất dưới 20%, đến ngày 01/01/2000 sẽ giảm xuống mức 0 - 05%. Khuyến khích cắt giảm hàng năm theo công thức $(X-20)\%/05$ hoặc 08 năm.

Tháng 7/1995, Việt Nam gia nhập ASEAN, được cộng thêm 03 năm (kết thúc vào 2006). Sau đó, cắt giảm tiếp tục loại sản phẩm vốn trên 20% xuống 0% vào 2018 (Theo ATIGA).⁽³⁰⁾ Thực tiễn nội luật hoá nghĩa vụ cắt giảm thuế quan của Việt Nam theo Hiệp định CEPT/AFTA, giúp chúng ta hiểu thêm cơ chế hội nhập kinh tế quốc tế cụ thể trong các nước không phải là xã hội chủ nghĩa. Để xử lý vấn đề nội luật hoá, liên

ngành Tài chính-Ngân hàng nhà nước-Bộ Tư pháp-Công thương-Tổng cục Hải quan đã nhất trí trình Chính phủ đề Chính phủ trình Chủ tịch nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội xem xét quyết định cách thức thực hiện. Đây là sự thận trọng cần thiết trong những ngày đầu nội luật hoá nghĩa vụ quan trọng liên quan đến ngân sách nhà nước.⁽³¹⁾

Ngày 08/11/1995, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 292/1995/NQ-UBTVQH về Chương trình giảm thuế nhập khẩu của Việt Nam để thực hiện Hiệp định CEPT/AFTA, theo đó chấp nhận đề nghị của Chính phủ về Chương trình này và giao Chính phủ xác định danh mục hàng hoá và lịch trình giảm thuế nhập khẩu cụ thể. Thực hiện Nghị quyết trên, ngày 18/12/1995, Chính phủ ra Nghị định số 91/CP ban hành Danh mục hàng hoá của Việt Nam để thực hiện Hiệp định CEPT/AFTA cho năm 1996; sau đó là Nghị định số 82/CP ngày 01/01/1996 (cho năm 1997); Nghị định số 15/1998/NĐ-CP ngày 12/3/1998 (cho năm 1998); Nghị định số 14/1999/NĐ-CP ngày 23/3/1999 (cho năm 1999); Nghị định số 09/2000/NĐ-CP ngày 21/3/2000 (cho năm 2000); Nghị định số 28/2001/NĐ-CP ngày 06/6/2001 (cho năm 2001); Nghị định số 21/2002/NĐ-CP ngày 28/02/2002 (cho năm 2002); Nghị định số 53/2002/NĐ-CP ngày 13/5/2002 (bổ sung một số mặt hàng vào Nghị định số 53/2002/NĐ-CP). Cách làm thận trọng, có lộ trình phù hợp với tình hình của nước ta

(29). *Agreement on the Common Effective Preferential Tariff (CEPT) Scheme for the ASEAN Free Trade Area (AFTA)*, https://asean.org/?static_post=agreement-on-the-common-effective-preferential-tariff-cept-scheme-for-the-asean-free-trade-area-afta, truy cập 17/4/2021.

(30). *Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA)*, <http://trungtamwto.vn/chuyen-de/7162-hiep-dinh-thuong-mai-hang-hoa-asean-atiga>, truy cập 17/4/2021.

(31). Lưu ý đây không phải là cách “dò đá qua sông” như một số dư luận lúc bấy giờ ở nước ta đã nêu.

như vậy là hết sức cần thiết vì chúng ta phải cân nhắc tính toán tác động trực tiếp của việc cắt giảm thuế quan lên nguồn thu ngân sách và cả tổng thể các vấn đề kinh tế-xã hội của đất nước.

Sau một thời gian thực hiện theo cách thức thận trọng như vậy, ngày 01/7/2003, Chính phủ ban hành Nghị định số 78/2003/NĐ-CP ban hành Danh mục hàng hoá CEPT/AFTA của Việt Nam và Thuế suất thuế nhập khẩu của Việt Nam để thực hiện Hiệp định CEPT/AFTA cho các năm 2003 - 2006. Ngày 05/8/2004 Chính phủ ban hành Nghị định số 151/2004/NĐ-CP (bổ sung một số mặt hàng vào Nghị định số 78/2003/NĐ-CP); ngày 24/12/2004, Chính phủ tiếp tục ban hành Nghị định số 213/2004/NĐ-CP (bổ sung một số mặt hàng cho năm 2004 - 2006). Điều đáng chú ý, ngày 03/02/2005 Chính phủ ra Nghị định số 13/2005/NĐ-CP ban hành Danh mục hàng hoá CEPT/AFTA của Việt Nam và Thuế suất thuế nhập khẩu của Việt Nam để thực hiện Hiệp định CEPT/AFTA cho các năm 2005 - 2013...

Năm 2005, Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu được thông qua, sau đó được quy định chi tiết thi hành tại Nghị định số 87/2010/NĐ-CP ngày 13/8/2010 và các văn bản quy phạm pháp luật khác như: Quyết định số 36/2008/QĐ-BTC ngày 12/6/2008, Quyết định số 73/2008/QĐ-BTC ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt CEPT/AFTA giai đoạn 2008 - 2013.

Bên cạnh đó, Bộ Tài chính, Bộ Công thương và một số bộ, ngành liên quan cũng

chủ động phối hợp với Bộ Tư pháp để giải quyết một số vướng mắc trong quá trình nội luật hoá các cam kết với ASEAN về cắt giảm thuế quan, một số văn bản cấp bộ đã được ban hành như: Thông tư số 64/2003/TT-BTC ngày 01/7/2003; Thông tư số 85/2003/TT-BTC ngày 29/8/2003; Quyết định số 110/2003/QĐ-BTC ngày 25/7/2003; Công văn số 5127/TC-HTQT ngày 14/5/2004 về một số vướng mắc trong phân loại hàng hoá nhập khẩu áp dụng thuế suất CEPT/AFTA; Quyết định số 19/2008/QĐ-BCT ngày 24/7/2008 ban hành Quy chế cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá Mẫu D để hưởng các ưu đãi theo Hiệp định về chương trình ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) để thành lập Khu vực Thương mại tự do ASEAN (AFTA); Thông tư số 21/2019/TT-BCT quy định Quy tắc xuất xứ hàng hoá trong Hiệp định Thương mại tự do ASEAN - Hồng Kông (Trung Quốc); Thông tư số 25/2019/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2016/TT-BCT ngày 03/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Công thương thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hoá trong Hiệp định Thương mại hàng hoá ASEAN... Bài học nội luật hoá các nghĩa vụ thành viên ASEAN đó của Việt Nam là quý báu, đáng trân trọng, giúp cho chúng ta đi xa hơn trên bước đường hội nhập quốc tế.

Hai là bài học kinh nghiệm trong việc nội luật hoá một số cam kết theo Hiệp định khung ASEAN về Dịch vụ (Hiệp định AFAS).⁽³²⁾ Phân tích kết quả nội luật hoá của

(32). <http://agreement.asean.org/home/index/3.html>; xem thêm: “*Hiệp định khung ASEAN về dịch vụ*

Việt Nam thực hiện các gói cam kết dịch vụ trong khuôn khổ Hiệp định AFAS cho thấy Việt Nam đã rất mềm dẻo trong cách xử lý vấn đề nội luật hoá/thực hiện nghĩa vụ thành viên của mình đối với Hiệp định AFAS. Chẳng hạn, đối với Gói dịch vụ thứ 4, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 195/2004/QĐ-TTG ngày 22/11/2004 phê duyệt Nghị định thư thực hiện Gói cam kết; còn đối với Gói dịch vụ thứ 9, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 84/NQ-CP năm 2016 phê duyệt Nghị định thư thực hiện Gói cam kết. Đối với Hiệp định khung ASEAN về hội nhập các ngành ưu tiên và các nghị định thư về hội nhập ngành, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bằng Quyết định số 45/2005/QĐ-TTG ngày 03/3/2005; còn đối với Hiệp định ASEAN về di chuyển thể nhân và biểu cam kết kèm theo, Chính phủ đã phê duyệt bằng Nghị quyết số 76/NQ-CP năm 2012; đối với Hiệp định ASEAN về trang thiết bị y tế, Chính phủ phê duyệt bằng Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 26/2/2016...

Ba là bài học kinh nghiệm trong việc Việt Nam áp dụng trực tiếp các quy định của ĐUQT. Luật Kí kết, gia nhập và thực hiện ĐUQT năm 2005 (khoản 3 Điều 6), Luật ĐUQT năm 2016 (khoản 2 Điều 6) đều ghi rõ: “khi quyết định chấp nhận sự ràng buộc của điều ước quốc tế đồng thời quyết định áp dụng trực tiếp toàn bộ hoặc một phần điều ước quốc tế đó đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong trường hợp quy định của điều ước quốc tế đã đủ rõ, chi tiết

để thực hiện” nhưng thực tiễn ĐUQT của Việt Nam không phải lúc nào cũng rõ ràng về vấn đề này. Nhiều văn bản Việt Nam phê duyệt ĐUQT của ASEAN rất chung, thường chỉ ghi theo công thức: “Điều 1. Phê duyệt Hiệp định... kí ngày tháng năm tại... Điều 2. Bộ... chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan... liên quan tổ chức, triển khai thực hiện Hiệp định... Điều 3. Bộ Ngoại giao hoàn thành thủ tục đối ngoại theo quy định”, không chỉ ra cách thức thực hiện ĐUQT cụ thể như thế nào. Chính vì vậy, nhiều ĐUQT của ASEAN sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam phê duyệt thường được thực hiện theo các cách thức khác nhau, áp dụng trực tiếp hoặc chuyển hoá thành quy định pháp luật Việt Nam (nội luật hoá) theo nhìn nhận và đề xuất của cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện ĐUQT đó. Trong thời gian gần đây, rút kinh nghiệm thực hiện ĐUQT trong giai đoạn trước, Việt Nam đã có những điều chỉnh nhất định trong nội dung văn bản phê duyệt/phê chuẩn ĐUQT cụ thể, đặc biệt là các văn bản phê chuẩn ĐUQT của Quốc hội đã ghi khá rõ cách thức thực hiện. Chẳng hạn, Nghị quyết số 102/2020/QH14 ngày 08/6/2020 của Quốc hội phê chuẩn Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh châu Âu ghi rõ: “(1). Áp dụng trực tiếp các quy định của Hiệp định tại Phụ lục 2 kèm theo Nghị quyết này; (2). Áp dụng các quy định của Hiệp định tại Phụ lục 3 kèm theo Nghị quyết này cho đến ngày Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 36/2009/QH12 và Luật số 42/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung có

(AFAS)”, <http://trungtamwto.vn/chuyen-de/7178-hiep-dinh-khung-asean-ve-dich-vu-afas>, truy cập 17/4/2021.

hiệu lực thi hành; (3). *Áp dụng Hiệp định với Vương quốc Anh trong thời gian từ ngày Hiệp định có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2020 (có thể gia hạn đến 24 tháng theo thỏa thuận giữa Vương quốc Anh và Liên minh châu Âu về việc Vương quốc Anh rời khỏi Liên minh châu Âu)*” (Điều 2).⁽³³⁾ Hoặc Nghị quyết số 103/2020/QH14 ngày 08/6/2020 của Quốc hội phê chuẩn Hiệp định Bảo hộ đầu tư giữa một bên là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và một bên là Liên minh châu Âu và các nước thành viên Liên minh châu Âu ghi rõ: “(1). *Áp dụng trực tiếp toàn bộ nội dung của Hiệp định, trừ các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 3.57 Chương 3 của Hiệp định này...* (2). *Ban hành Nghị quyết của Quốc hội về công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết của cơ quan giải quyết tranh chấp đầu tư theo Hiệp định để thực hiện các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 3.57 Chương 3 của Hiệp định*” (Điều 2).⁽³⁴⁾ Hoặc, Nghị quyết số 104/2020/QH14 ngày 08/6/2020 gia nhập Công ước số 105 của Tổ chức Lao động quốc tế về Xóa bỏ lao động cưỡng bức ghi rõ: “*Áp dụng trực tiếp toàn bộ nội dung của Công ước số 105*” (Điều 2).⁽³⁵⁾

Bốn là bài học kinh nghiệm về đổi mới tư duy kinh tế-pháp lí trong hài hoà hoá pháp luật và nội luật hoá các nghĩa vụ thành viên ASEAN

Để xử lý yêu cầu thực hiện các ĐUQT nói chung, ĐUQT của ASEAN nói riêng, Việt Nam đã gia nhập Công ước Viên năm

1969; thông qua Luật ĐUQT năm 2005, Luật ĐUQT năm 2016; chấp nhận kĩ thuật một văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác (Omnibus Laws)⁽³⁶⁾... Đây là những kết quả đáng ghi nhận.

Tuy vậy, việc hiểu đúng và chấp hành nghiêm chỉnh các ĐUQT vẫn còn là thách thức không nhỏ trong hoạt động lập pháp, hành pháp, tư pháp của Việt Nam. Điều cần chú ý trước tiên là trong thực tiễn, văn bản pháp lí chính thức ĐUQT mà Việt Nam là thành viên thường được lập bằng tiếng nước ngoài, bản dịch tiếng Việt của ĐUQT đó thường chỉ là bản để sử dụng thuận tiện tham khảo cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước khi thực hiện ĐUQT cụ thể. Nếu có sự khác biệt giữa bản tiếng Việt và bản gốc tiếng nước ngoài, kể cả khi Quốc hội cho áp dụng trực tiếp ĐUQT cụ thể, thì phải lấy bản gốc tiếng nước ngoài làm căn cứ pháp lí để xử lý vấn đề.

Vấn đề cần chú ý tiếp theo là sự phức tạp, rắc rối của hệ thống kiến thức về pháp luật thương mại quốc tế (TMQT)⁽³⁷⁾ nói chung, về hệ thống các ĐUQT về hội nhập quốc tế⁽³⁸⁾ nói riêng. Hệ thống kiến thức và

(36). Hoàng Phước Hiệp (chủ biên), *Nghiên cứu, rà soát và hoàn thiện pháp luật Việt Nam phục vụ gia nhập WTO*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2007, tr. 174 - 251.

(37). Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Thương mại quốc tế*, Nxb. CAND, Hà Nội, 2019, tr. 12 - 66.

(38). Hoàng Phước Hiệp, “Khung pháp luật trong quá trình Hội nhập quốc tế của Việt Nam hiện nay”, *Tài liệu đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực pháp luật quốc tế, đầu tư quốc tế cho công chức, viên chức Bộ Tư pháp năm 2017*, Học viện Tư pháp, Hà Nội, 2017.

(33). Công báo số 665 + 666/ngày 08/7/2020, tr. 3 - 18.

(34). Công báo số 665 + 666/ngày 08/7/2020, tr. 19 - 21.

(35). Công báo số 665 + 666/ngày 08/7/2020, tr. 22 - 30.

văn bản này khá đồ sộ, phức tạp, có nhiều thuật ngữ, khái niệm, phạm trù xa lạ với các cán bộ, công chức và chuyên gia kinh tế, pháp luật Việt Nam. Ở đây có vấn đề xung đột về danh pháp, có vấn đề khác biệt về phương pháp luận nghiên cứu vấn đề, nhận thức luận, tư duy kinh tế, pháp lí..., “luật chơi”, “cách chơi” trong quan hệ TMQT... Mặt khác, Việt Nam là thành viên của Liên Hợp quốc, WTO, ASEAN... và là nước kí kết, gia nhập nhiều ĐUQT với các “luật chơi” khác nhau, do vậy phải tuân theo các “cách chơi” riêng biệt của các thiết chế quốc tế và ĐUQT đó. Đối với Việt Nam, việc tiếp nhận các thuật ngữ, khái niệm, phạm trù kinh tế, pháp lí quốc tế... được áp dụng thống nhất trong cộng đồng TMQT không phải lúc nào cũng thuận lợi cho dù Đảng và Nhà nước đã có chủ trương đổi mới tư duy kinh tế rất sớm, từ những năm 80 của thế kỉ XX. Thực tiễn “Việt hoá”/nội luật hoá các khái niệm “hàng hoá” trong TMQT, “thương mại hàng hoá”, “thuế quan”, “bán phá giá”, “dịch vụ”, “thương mại dịch vụ”... trong TMQT thời gian qua quá phức tạp, sức ỳ của tư duy kinh tế, pháp lí... cũ quá lớn, kéo dài nhiều năm. Chẳng hạn, một khái niệm tưởng chừng đơn giản nhưng khi “Việt hoá”/nội luật hoá lại gặp không ít khó khăn, phức tạp, đó là khái niệm “hàng hoá” trong TMQT. Khi đã là thành viên Liên Hợp quốc, ASEAN và cả khi đã trở thành thành viên WTO, nhiều cán bộ, công chức và chuyên gia kinh tế, pháp luật Việt Nam vẫn lấy cách hiểu nội luật, dựa vào tư duy kinh tế, pháp lí truyền thống (xã hội chủ nghĩa) để hiểu, để nhận diện “hàng hoá” trong TMQT trong khi

khái niệm này được xây dựng, phát triển trên nền tảng tư duy kinh tế, pháp lí phi truyền thống (tư bản chủ nghĩa). Điều này thấy rõ qua cách định nghĩa “hàng hoá” trong TMQT trong Luật Thương mại các năm 1997, 2005; Luật Hải quan các năm 2001, 2005; Luật Giá năm 2012; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu các năm 1998 - 2016... Hoặc, cách làm tương tự cũng được áp dụng đối với định nghĩa “bán phá giá”, nội hàm khái niệm “bán phá giá”, “biên độ phá giá” trong TMQT trong Pháp lệnh Chống bán phá giá hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam năm 2004... Cách “làm luật”/nội luật hoá của Việt Nam cơ bản vẫn theo tư duy truyền thống, trong khi đó điều kiện cụ thể và thực tiễn Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế đã thay đổi nhiều, yêu cầu phải có cả tư duy phi truyền thống và phải đáp ứng đòi hỏi của Cách mạng công nghiệp 4.0...

Năm là những cơ hội và thách thức đang hiện hữu đối với giới luật gia và kinh tế gia Việt Nam trước những vấn đề pháp luật mới trong lý luận và thực tiễn hội nhập quốc tế.

Cơ hội và thách thức trước tiên đó là việc rà soát, đối chiếu các văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam với các cam kết quốc tế (rà soát pháp luật). Đây còn là yêu cầu không thể thiếu, là nhiệm vụ khó khăn và nặng nề trong quá trình thực hiện ĐUQT nói chung, ĐUQT của ASEAN nói riêng. Điều đáng lưu ý là các quy định, pháp luật về TMQT, đầu tư quốc tế thường gắn kết với nhiều học thuyết kinh tế các nước tư bản chủ nghĩa và các án lệ TMQT các nước tư bản chủ nghĩa và căn cứ vào thực tiễn hoàn thiện

pháp luật của các nước khác nhau trong thời gian qua. Trong khuôn khổ WTO và Hiệp định Thương mại giữa Việt Nam và Hoa Kỳ, việc rà soát pháp luật đã tiến hành có kết quả khá tốt.⁽³⁹⁾ Tuy nhiên, hoạt động này chưa thành công đối với ASEAN và đối với các cấp chính quyền địa phương. Qua rà soát pháp luật có thể nhận thấy còn không ít vấn đề pháp luật cần được tiếp tục nghiên cứu xử lý trong giai đoạn hiện nay và trong thời gian tới. Đó có thể là các vấn đề thuộc về nhận thức luận, về quan niệm pháp luật thực định, về phương pháp thực chứng... trong luật TMQT; hoặc có thể là những vấn đề kỹ năng pháp luật, kỹ thuật nghiệp vụ chuyên môn. Đây đều là những thách thức đối với các cơ quan pháp luật, các cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam trong thực hiện các ĐUQT trên bước đường hội nhập quốc tế và thực thi các ĐUQT của Việt Nam.

Một vấn đề mới được đặt ra cần sớm xem xét giải quyết, đó là lý luận và thực tiễn xung đột luật trong công pháp quốc tế. Có nhiều quan niệm cho rằng trong công pháp quốc tế không tồn tại xung đột luật.⁽⁴⁰⁾ Lý luận về xung đột luật trong công pháp quốc tế đang dần được khẳng định và có vị trí

ngày càng quan trọng trong đời sống của cộng đồng TMQT. Trong thực tiễn ĐUQT về TMQT, đầu tư quốc tế, vấn đề này luôn được đưa lên bàn đàm phán để tìm giải pháp dung hoà lợi ích hợp lý giữa các đối tác, các nền kinh tế. Một trong những tiêu điểm thường bàn là công thức/quy tắc chung giải quyết xung đột giữa các quy định của các ĐUQT có cấp độ hiệu lực thi hành khác nhau: 1) ĐUQT có tính toàn cầu (ví dụ, các hiệp định của WTO...); 2) ĐUQT có tính khu vực/liên khu vực (ví dụ, các hiệp định của ASEAN và Hiệp định CPTPP...), và 3) ĐUQT có tính song phương (ví dụ, các hiệp định giữa Việt Nam với Nhật Bản, Hoa Kỳ...), mà trước tiên là trong khuôn khổ hoạt động tác nghiệp của các cơ quan nhà nước của các đối tác, nền kinh tế khác nhau tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Giả sử tình huống Việt Nam và Nhật Bản đều tham gia vào cùng một loại cam kết quốc tế về tự do hoá thương mại hàng hoá (theo cam kết với WTO, Hiệp định CPTPP, Hiệp định FTA giữa ASEAN-Nhật Bản, Hiệp định Đối tác toàn diện Việt Nam-Nhật Bản), vậy quy định của hiệp định nào sẽ được ưu tiên áp dụng trong hoạt động nội luật hoá hoặc giải quyết tranh chấp thương mại, đầu tư quốc tế phát sinh giữa Việt Nam và Nhật Bản? Hiệp định Đối tác toàn diện Việt Nam-Nhật Bản xác định việc giải quyết tranh chấp phát sinh dựa trên Hiệp định của WTO nhưng theo Hiệp định CPTPP thì công thức đó là “tùy từng trường hợp cụ thể mà dàn xếp” (Case by Case). Vấn đề này cũng được lan tỏa sang lĩnh vực hoạt động kinh doanh

(39). Hoàng Phước Hiệp (Chủ biên), *Báo cáo tổng thuật kết quả rà soát, so sánh giai đoạn II (từ tháng 12/2001 đến tháng 4/2005) các văn bản pháp luật Việt Nam với yêu cầu của BTA và các quy định của WTO*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2006, tr. 38-50; Xem thêm: Hoàng Phước Hiệp (Chủ biên), *Nghiên cứu, rà soát và hoàn thiện pháp luật Việt Nam phục vụ gia nhập WTO*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2007.

(40). Trong nhiều hiệp định của WTO có quy định các quy tắc khác nhau giải quyết xung đột giữa các quy phạm ĐUQT của WTO, https://www.wto.org/english/docs_e/legal_e/legal_e.htm, truy cập 17/4/2021.

quốc tế của các tổ chức, cá nhân các nước khác nhau.

Tóm lại, hội nhập quốc tế là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta. Việc nghiên cứu các quan điểm, nguyên tắc của Đảng và Nhà nước về hội nhập quốc tế là việc làm hết sức cần thiết, giúp chúng ta xác định đúng định hướng trong cải cách và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong điều kiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập với cộng đồng quốc tế.

Nghiên cứu khung pháp luật Việt Nam qua 25 năm hội nhập vào ASEAN cho thấy nhu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn còn là vấn đề cấp thiết. Tuy vậy, cũng cần nhìn nhận rằng những nhu cầu này không phải được đặt ra từ việc kí kết các ĐUQT về hội nhập quốc tế, mà xuất phát từ chính nhu cầu phát triển nội tại đang từng bước tiến lên trên con đường công nghiệp hoá, hiện đại hoá của Việt Nam. Trong điều kiện đó, việc thực hiện đúng, có hiệu quả các ĐUQT nói chung, các ĐUQT của ASEAN nói riêng cũng cần có những đổi mới thích hợp. Hải hoà hoá pháp luật và nội luật hoá là hai trong nhiều cách xử lý vấn đề này của Việt Nam. Bên cạnh đó, cũng cần chú ý đến những đổi mới cần thiết trong lí luận cũng như thực tiễn ĐUQT của các nước và Việt Nam.

Trong 25 năm hội nhập vào ASEAN nói riêng, thực hiện hội nhập quốc tế nói chung, vấn đề chuẩn bị nguồn nhân lực cho hội nhập quốc tế luôn được quan tâm, được nêu rõ trong Nghị quyết số 07/NQ-TW ngày 27/11/2001 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 05/02/2007 của Ban Chấp

hành Trung ương Đảng và Nghị quyết số 16/2007/NQ-CP ngày 27/02/2007 của Chính phủ, Nghị quyết số 22/NQ-TW ngày 10/4/2013 của Ban Chấp hành Trung ương về hội nhập quốc tế. Việc đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ tư pháp nòng cốt về HNQT còn được nhấn mạnh trong các tài liệu, văn kiện khác của Đảng và Nhà nước. Tuy vậy, công việc này được tiến hành chậm, thậm chí cho thấy hiệu quả chưa đạt được như mong muốn. Cạnh tranh quốc tế suy cho cùng là cạnh tranh về nguồn nhân lực chất lượng cao. Bên cạnh đó, việc biên soạn các tài liệu nghiệp vụ, tài liệu tham khảo trong các lĩnh vực này là cấp bách, cần có sự đầu tư thoả đáng từ phía Nhà nước.

Mở rộng hợp tác với các nước khác nhau, các tổ chức quốc tế để trao đổi kinh nghiệm thực hiện các ĐUQT về HNQT cũng như kinh nghiệm tạo lập, lựa chọn và vận dụng các án lệ quốc tế phù hợp điều kiện của Việt Nam là việc làm không thể thiếu trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và HNQT. Việc hợp tác quốc tế như vậy cần theo một quy chế thống nhất để tránh sự trùng lặp, có khả năng đạt được hiệu quả thiết thực, phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện cụ thể của nước ta./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Black's Law Dictionary*, WP.Co 1991.
2. Nguyễn Bá Bình, *Khả năng hải hoà hoá pháp luật trong Khu vực ASEAN: Trường hợp của luật hợp đồng*, <https://thuvien.quochoi.vn/vi/hoi-thao-quoc-te-hai-hoa-hoa-phap-luat-trong-xay-dung-cong-dong-asean-nhung-van-de-dat-ra-voi-viet>

3. Nguyễn Đoàn Trang, *Hài hoà hoá pháp luật của các nước thành viên Asean trong lĩnh vực kinh tế*, <http://ncif.gov.vn/Pages/NewsDetail.aspx?newid=17048>
4. Duncan Alford, Updated by Matthew Novak, *A Guide on the Harmonization of International Commercial Law*, http://www.nyulawglobal.org/globalex/Unification_Harmonization1.html
5. Hoàng Phước Hiệp (chủ biên), *Báo cáo tổng thuật kết quả rà soát, so sánh giai đoạn II (từ tháng 12/2001 đến tháng 4/2005) các văn bản pháp luật Việt Nam với yêu cầu của BTA và các quy định của WTO*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2006.
6. Hoàng Phước Hiệp (chủ biên), *Nghiên cứu, rà soát và hoàn thiện pháp luật Việt Nam phục vụ gia nhập WTO*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2007.
7. Hoàng Phước Hiệp (chủ nhiệm), “Nội luật hoá các điều ước quốc tế mà Việt Nam kí kết hoặc gia nhập nhằm phục vụ quá trình hội nhập kinh tế quốc tế”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, Bộ Tư pháp, 2007.
8. Hoàng Phước Hiệp, “Áp dụng trực tiếp điều ước quốc tế”, *Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, số 5/2016.
9. Hoàng Phước Hiệp, “Khung pháp luật trong quá trình Hội nhập quốc tế của Việt Nam hiện nay”, *Tài liệu đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực pháp luật quốc tế, đầu tư quốc tế cho công chức, viên chức Bộ Tư pháp năm 2017*, Học viện Tư pháp, Hà Nội, 2017.
10. James Devenney, Mel Kenny, *The Transformation of European Private Law: Harmonisation, Consolidation, Codification or Chaos?*, Cambridge University Press, 2013.
11. Kỷ yếu Hội thảo “Hài hoà hoá pháp luật thương mại và triển vọng trong khu vực ASEAN”, <http://www.viac.vn/tin-tuc-su-kien/buoc-di-tien-phong-trong-qua-trinh-hai-hoa-hoa-phap-luat-thuong-mai-trong-khu-vuc-asean-n528.html>
12. Kỷ yếu Hội thảo “Hội nhập ASEAN và hài hoà hoá tư pháp trong các nước ASEAN”, Toà án nhân dân tối cao, ngày 17/3/2016.
13. *Oxford Advanced Learner's Dictionary*, Oxford University Press, 2010.
14. Tài liệu Dự án “Hài hoà hoá pháp luật hiện hành và thống nhất áp dụng pháp luật hướng tới năm 2020 (Pháp luật 2020)”, <https://www.jica.go.jp/project/vietname/vietnam/032/index.html>
15. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật quốc tế*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2018.
16. Trường Đại học Luật Hà Nội, *Giáo trình Luật Thương mại quốc tế*, Nxb. CAND, Hà Nội, 2019.
17. Nguyễn Thanh Tú, *Thuận lợi, khó khăn và lợi ích đối với Việt Nam trong tiến trình hài hoà hoá pháp luật của khu vực ASEAN*, <https://thuvien.quochoi.vn/vi/hoi-thao-quoc-te-hai-hoa-hoa-phap-luat-trong-xay-dung-cong-dong-asean-nhung-van-de-dat-ra-voi-viet>
18. Viện Ngôn ngữ học, *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng-Trung tâm Từ điển học, Hà Nội, 1997.